

Số: 1767/QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả rèn luyện
học kỳ II, năm học 2021 - 2022 cho sinh viên (đợt 1)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP của Chính phủ ngày 04/4/1994 về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quy chế về công tác người học tại trường Đại học Y Dược ban hành kèm theo Quyết định số 901/QĐ-ĐHYD ngày 12/5/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược;

Căn cứ Quyết định số 1979/QĐ-ĐHYD ngày 11/10/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Kết luận tại Biên bản họp xét điểm rèn luyện cho sinh viên ngày 30/8/2022 của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện trường Đại học Y Dược;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác HS-SV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả xếp loại điểm rèn luyện học kỳ II, năm học 2021 - 2022 (đợt 1) cho 675 sinh viên. Trong đó:

Xếp loại Xuất sắc: 131 sinh viên; loại Tốt: 435 sinh viên; loại Khá: 108 sinh viên; loại Trung bình: 01 sinh viên.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác HSSV, các phòng chức năng có liên quan, Bí thư Đoàn TNCS HCM, Chủ tịch Hội sinh viên, Cố vấn học tập và các sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 2 (để thi hành);
- Phòng CNTT-TV (đăng website);
- Lưu VT, CT-HSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Kiều Giang

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

BIỂU TỔNG HỢP ĐIỂM RÈN LUYỆN SINH VIÊN CÁC NGÀNH
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2021 - 2022 (Đợt 1)

STT	Khóa/Ngành	Tổng	XS	Tốt	Khá	Trung bình
1	K49A	77	33	44	0	0
2	K49B	76	17	55	4	0
3	K49C	76	20	38	18	0
4	K49D	75	7	45	22	1
	Tổng cộng	304	77=25,33%	182=59,87%	44=14,47%	1=0,33%
5	YHDP K10	26	10	16	0	0
	Tổng cộng	26	10=38,46%	16=61,54%	0=0%	0=0%
6	Dược K13A	68	7	61	0	0
7	Dược K13B	70	7	45	18	0
	Tổng cộng	138	14=10,15%	106=76,81%	18=13,04%	0=0%
8	CNĐD K15A	36	5	29	2	0
9	CNĐD K15B	62	11	7	44	0
10	CNĐD K15C	61	8	53	0	0
	Tổng cộng	159	24=15,09%	89=55,98%	46=28,93%	0=0%
11	XNYH K2	48	6	42	0	0
	Tổng cộng	48	6=12,5%	42=87,5%	0=0%	0=0%
	Tổng	675	131	435	108	1
	Tỉ lệ %	100,00	19,41	64,44	16,00	0,15

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

**KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2021 - 2022
CỦA SINH VIÊN NGÀNH Y KHOA K49**

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
1	DTY1657201010014	Bùi Mỹ Anh	K49A	94	Xuất sắc	
2	DTY1657201010015	Hứa Thị Kim Anh	K49A	92	Xuất sắc	
3	DTY1657201010012	Nguyễn Tiến Anh	K49A	90	Xuất sắc	
4	DTY1657201010013	Phan Thế Anh	K49A	85	Tốt	
5	DTY1657201010310	Phan Tuấn Anh	K49A	92	Xuất sắc	
6	DTY1657201010017	Dương Thị Ngọc Ánh	K49A	89	Tốt	
7	DTY1657201010018	Hoàng Ngọc Ánh	K49A	91	Xuất sắc	
8	DTY1657201010032	Triệu Trần Thành Công	K49A	89	Tốt	
9	DTY1657201010034	Nghiêm Kim Cương	K49A	90	Xuất sắc	
10	DTY1657201010035	Vì Mạnh Cường	K49A	87	Tốt	
11	DTY1657201010041	Nguyễn Thị Dung	K49A	90	Xuất sắc	
12	DTY1657201010049	Lý A Duy	K49A	87	Tốt	
13	DTY1657201010046	Tạ Quang Dương	K49A	82	Tốt	
14	DTY1657201010324	Đỗ Thành Đạt	K49A	88	Tốt	
15	DTY1657201010059	Nguyễn Văn Đức	K49A	89	Tốt	
16	DTY1657201010058	Trần Kim Đức	K49A	82	Tốt	
17	DTY1657201010064	Đặng Thu Hà	K49A	88	Tốt	
18	DTY1657201010067	Lò Thị Hà	K49A	92	Xuất sắc	
19	DTY1657201010073	Khoàng Đức Hạnh	K49A	86	Tốt	
20	DTY1657201010314	Lê Minh Hạnh	K49A	86	Tốt	
21	DTY1657201010070	Nguyễn Thị Hằng	K49A	90	Xuất sắc	
22	DTY1657201010075	Trần Minh Hậu	K49A	90	Xuất sắc	
23	DTY1657201010084	Dư Minh Hiếu	K49A	90	Xuất sắc	
24	DTY1657201010083	Triệu Sinh Hiếu	K49A	89	Tốt	
25	DTY1657201010090	Nguyễn Thị Hoa	K49A	90	Xuất sắc	
26	DTY1657201010098	Ngô Thị Hoài	K49A	90	Xuất sắc	
27	DTY1657201010100	Đỗ Việt Hoàng	K49A	93	Xuất sắc	
28	DTY1657201010101	Trần Hoàng	K49A	96	Xuất sắc	
29	DTY1657201010107	Lường Thị Hồng	K49A	90	Xuất sắc	
30	DTY1657201010112	Lê Thị Huê	K49A	86	Tốt	
31	DTY1657201010119	Vương Hùng	K49A	90	Xuất sắc	
32	DTY1657201010135	Hà Công Huy	K49A	90	Xuất sắc	
33	DTY1657201010139	Lê Văn Huỳnh	K49A	86	Tốt	
34	DTY1657201010121	Hoàng Văn Hưng	K49A	85	Tốt	
35	DTY1657201010125	Trương Thị Hương	K49A	81	Tốt	
36	DTY1657201010129	Nguyễn Thị Hường	K49A	90	Xuất sắc	
37	DTY1657201010145	Nguyễn Thị Tuyết Lan	K49A	90	Xuất sắc	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
38	DTY1657201010150	Dương Thị Minh Lê	K49A	88	Tốt	
39	DTY1657201010151	Trần Hồng Liên	K49A	91	Xuất sắc	
40	DTY1657201010161	Bùi Thị Linh	K49A	91	Xuất sắc	
41	DTY1657201010155	Nguyễn Dương Diệu Linh	K49A	90	Xuất sắc	
42	DTY1657201010163	Nguyễn Thị Thùy Linh	K49A	90	Xuất sắc	
43	DTY1657201010162	Tạ Mỹ Linh	K49A	87	Tốt	
44	DTY1657201010177	Trần Quốc Long	K49A	81	Tốt	
45	DTY1657201010318	Đào Ngọc Lộc	K49A	86	Tốt	
46	DTY1657201010178	Hoàng Đức Luân	K49A	85	Tốt	
47	DTY1657201010179	Dương Thị Ly	K49A	87	Tốt	
48	DTY1657201010183	Đàm Thị Ngọc Mai	K49A	90	Xuất sắc	
49	DTY1657201010186	Trần Thị Trà Mi	K49A	89	Tốt	
50	DTY1657201010192	Dương Thị Thanh Nga	K49A	89	Tốt	
51	DTY1657201010193	Nguyễn Thị Nga	K49A	86	Tốt	
52	DTY1657201010194	Bùi Thị Ngân	K49A	86	Tốt	
53	DTY1657201010202	Lại Thị Hồng Nhung	K49A	90	Xuất sắc	
54	DTY1657201010201	Lê Trang Nhung	K49A	87	Tốt	
55	DTY1657201010213	Lâm Thị Phương	K49A	86	Tốt	
56	DTY1657201010210	Nguyễn Thu Phương	K49A	85	Tốt	
57	DTY1657201010215	Nguyễn Nhật Quang	K49A	85	Tốt	
58	DTY1657201010220	Phan Đăng Quý	K49A	81	Tốt	
59	DTY1657201010224	Ma Thúy Quỳnh	K49A	90	Xuất sắc	
60	DTY1657201010230	Lê Hồng Sơn	K49A	90	Xuất sắc	
61	DTY1657201010232	Giàng A Súa	K49A	85	Tốt	
62	DTY1657201010241	Nguyễn Tiến Thành	K49A	85	Tốt	
63	DTY1657201010252	Hà Thị Thu Thảo	K49A	85	Tốt	
64	DTY1657201010248	Lê Thị Thảo	K49A	91	Xuất sắc	
65	DTY1657201010236	Lê Toàn Thắng	K49A	85	Tốt	
66	DTY1657201010261	Nguyễn Thị Phương Thoa	K49A	87	Tốt	
67	DTY1657201010266	Hoàng Hoài Thương	K49A	90	Xuất sắc	
68	DTY1657201010272	Trần Văn Tiến	K49A	85	Tốt	
69	DTY1657201010322	Phan Lâm Tín	K49A	81	Tốt	
70	DTY1657201010281	Nguyễn Thị Trang	K49A	86	Tốt	
71	DTY1657201010280	Nguyễn Thị Vân Trang	K49A	95	Xuất sắc	
72	DTY1657201010284	Lò Văn Trọng	K49A	85	Tốt	
73	DTY1657201010290	Phạm Thị Hồng Uyên	K49A	85	Tốt	
74	DTY1657201010291	Đinh Thành Văn	K49A	90	Xuất sắc	
75	DTY1657201010294	Hoàng Thế Vinh	K49A	90	Xuất sắc	
76	DTY1657201010296	Giàng A Vừ	K49A	85	Tốt	
77	DTY1657201010299	Nguyễn Thị Yên	K49A	85	Tốt	
78	DTY1657201010003	Nguyễn Lan Anh	K49B	87	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
79	DTY1657201010008	Nguyễn Tuấn	Anh	K49B	86	Tốt	
80	DTY1657201010007	Trương Quang	Anh	K49B	85	Tốt	
81	DTY1657201010019	Hoàng Thị Phương	Ánh	K49B	80	Tốt	
82	DTY1657201010023	Hoàng Thanh	Bình	K49B	80	Tốt	
83	DTY1657201010024	Phản A	Cạo	K49B	80	Tốt	
84	DTY1657201010311	Nguyễn Minh	Châu	K49B	90	Xuất sắc	
85	DTY1657201010027	Đỗ Văn	Chiến	K49B	88	Tốt	
86	DTY1657201010036	Hoàng Mạnh	Cường	K49B	85	Tốt	
87	DTY1657201010043	Văn Thị	Dung	K49B	94	Xuất sắc	
88	DTY1657201010048	Trương Quang	Duy	K49B	85	Tốt	
89	DTY1657201010052	Nguyễn Hoàng	Đại	K49B	78	Khá	
90	DTY1657201010053	Diệp Thị	Đào	K49B	89	Tốt	
91	DTY1657201010054	Nông Thị Thùy	Điểm	K49B	97	Xuất sắc	
92	DTY1657201010057	Tạ Đình	Đức	K49B	85	Tốt	
93	DTY1657201010061	Pờ Hu	Giá	K49B	82	Tốt	
94	DTY1657201010066	Nguyễn Mạnh	Hà	K49B	86	Tốt	
95	DTY1657201010072	Thân Thị	Hằng	K49B	90	Xuất sắc	
96	DTY1657201010078	Cùng Thu	Hiền	K49B	82	Tốt	
97	DTY1657201010076	Vi Thị Thanh	Hiền	K49B	97	Xuất sắc	
98	DTY1657201010085	Hoàng Văn	Hiếu	K49B	87	Tốt	
99	DTY1657201010315	Mai Hồng	Hiếu	K49B	92	Xuất sắc	
100	DTY1657201010091	Nguyễn Thị Phương	Hoa	K49B	90	Xuất sắc	
101	DTY1657201010097	Nguyễn Thu	Hoài	K49B	80	Tốt	
102	DTY1657201010105	Hồ Công	Hoàng	K49B	85	Tốt	
103	DTY1657201010106	Dương Thế	Hoạt	K49B	83	Tốt	
104	DTY1657201010109	Sùng A	Hồng	K49B	80	Tốt	
105	DTY1657201010113	Dương Thu	Huế	K49B	82	Tốt	
106	DTY1657201010120	Trần Phi	Hùng	K49B	90	Xuất sắc	
107	DTY1657201010132	Lê Anh	Huy	K49B	80	Tốt	
108	DTY1657201010134	Lê Văn	Huy	K49B	84	Tốt	
109	DTY1657201010122	Nguyễn Bá	Hưng	K49B	80	Tốt	
110	DTY1657201010127	Trần Thị	Hương	K49B	89	Tốt	
111	DTY1657201010131	Phạm Thị Thu	Hường	K49B	85	Tốt	
112	DTY1657201010140	Hoàng Quốc	Khánh	K49B	85	Tốt	
113	DTY1657201010142	Mai Trung	Kiên	K49B	81	Tốt	
114	DTY1657201010146	Nguyễn Thị Mai	Lan	K49B	82	Tốt	
115	DTY1657201010153	Lục Thị	Liên	K49B	81	Tốt	
116	DTY1657201010159	Đào Thị Ngọc	Linh	K49B	84	Tốt	
117	DTY1657201010158	Hoàng Thị Thùy	Linh	K49B	83	Tốt	
118	DTY1657201010160	Nguyễn Khánh	Linh	K49B	96	Xuất sắc	
119	DTY1657201010157	Nguyễn Thị	Linh	K49B	85	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
120	DTY1657201010176	Vũ Hải	Long	K49B	80	Tốt	
121	DTY1657201010181	Nguyễn Thị Minh	Lý	K49B	84	Tốt	
122	DTY1657201010319	Hoàng Thị Diệu	Mai	K49B	90	Xuất sắc	
123	DTY1657201010184	Ngũ Xuân	Mai	K49B	90	Xuất sắc	
124	DTY1657201010188	Lương Duy	Minh	K49B	70	Khá	
125	DTY1657201010187	Nguyễn Ngọc	Minh	K49B	73	Khá	
126	DTY1657201010190	Đông Thị	Nền	K49B	83	Tốt	
127	DTY1657201010197	Nông Thị	Nguyên	K49B	82	Tốt	
128	DTY1657201010198	Phạm Lê Tổ	Như	K49B	88	Tốt	
129	DTY1657201010204	Nguyễn Thị	Oanh	K49B	85	Tốt	
130	DTY1657201010207	Lý Khai	Phạ	K49B	75	Khá	
131	DTY1657201010214	Nguyễn Thị Minh	Phượng	K49B	89	Tốt	
132	DTY1657201010218	Bùi Văn	Quý	K49B	87	Tốt	
133	DTY1657201010223	Hà Thị	Quỳnh	K49B	90	Xuất sắc	
134	DTY1657201010225	Hoàng Thị Hương	Quỳnh	K49B	83	Tốt	
135	DTY1657201010226	Lò Văn	Quỳnh	K49B	80	Tốt	
136	DTY1657201010233	Bàn Thị	Tâm	K49B	80	Tốt	
137	DTY1657201010234	Vũ Văn	Tân	K49B	82	Tốt	
138	DTY1657201010240	Phạm Thị	Thanh	K49B	90	Xuất sắc	
139	DTY1657201010244	Đỗ Văn	Thao	K49B	89	Tốt	
140	DTY1657201010253	Lâm Phương	Thảo	K49B	80	Tốt	
141	DTY1657201010256	Trần Phương	Thảo	K49B	88	Tốt	
142	DTY1657201010255	Trần Thị Minh	Thảo	K49B	90	Xuất sắc	
143	DTY1657201010260	Chu Thị	Thiều	K49B	94	Xuất sắc	
144	DTY1657201010263	Lê Thị Hương	Thơm	K49B	83	Tốt	
145	DTY1657201010269	Lò Văn	Thùy	K49B	83	Tốt	
146	DTY1657201010267	Nguyễn Thị Diệu	Thương	K49B	83	Tốt	
147	DTY1657201010282	Nguyễn Thị	Trang	K49B	85	Tốt	
148	DTY1657201010323	Vũ Mạnh	Tuân	K49B	86	Tốt	
149	DTY1657201010288	Bùi Anh	Tuấn	K49B	90	Xuất sắc	
150	DTY1657201010289	Lưu Thị Thu	Uyên	K49B	97	Xuất sắc	
151	DTY1657201010297	Giàng Thị	Xinh	K49B	80	Tốt	
152	DTY1657201010298	Trần Thị Thanh	Xuân	K49B	83	Tốt	
153	DTY1657201010300	Lộc Thị Hải	Yến	K49B	83	Tốt	
154	DTY1657201010005	Bùi Thảo	Anh	K49C	75	Khá	
155	DTY1657201010010	Hoàng Trần Đức	Anh	K49C	75	Khá	
156	DTY1657201010011	Hoàng Việt	Anh	K49C	80	Tốt	
157	DTY1657201010021	Bùi Thị	Ánh	K49C	80	Tốt	
158	DTY1657201010025	Nguyễn Thị	Chi	K49C	80	Tốt	
159	DTY1657201010028	Phạm Quyết	Chiến	K49C	74	Khá	
160	DTY1657201010031	Vũ Quang	Chính	K49C	80	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
161	DTY1657201010037	Thào A	Dao	K49C	74	Khá	
162	DTY1657201010038	Lương Thị Phương	Diệp	K49C	75	Khá	
163	DTY1657201010040	Nguyễn Huy	Du	K49C	98	Xuất sắc	
164	DTY1657201010044	Hà Thế	Dũng	K49C	81	Tốt	
165	DTY1657201010051	Nguyễn Thị	Duyên	K49C	90	Xuất sắc	
166	DTY1657201010047	Hoàng Thị	Dương	K49C	97	Xuất sắc	
167	DTY1657201010056	Tuấn Nguyên	Đức	K49C	85	Tốt	
168	DTY1657201010060	Triệu Văn	Đức	K49C	74	Khá	
169	DTY1657201010062	Vàng A	Già	K49C	75	Khá	
170	DTY1657201010312	Bùi Thu	Hà	K49C	81	Tốt	
171	DTY1657201010065	Lê Thị Thu	Hà	K49C	80	Tốt	
172	DTY1657201010071	Nguyễn Thúc	Hằng	K49C	80	Tốt	
173	DTY1657201010079	Đồng Thu	Hiền	K49C	90	Xuất sắc	
174	DTY1657201010077	Trần Thị Thu	Hiền	K49C	75	Khá	
175	DTY1657201010087	Vi Văn	Hiếu	K49C	92	Xuất sắc	
176	DTY1657201010093	Ngô Đình	Hòa	K49C	90	Xuất sắc	
177	DTY1657201010096	Hoàng Thu	Hoài	K49C	82	Tốt	
178	DTY1657201010099	Nguyễn Đức	Hoàn	K49C	98	Xuất sắc	
179	DTY1657201010108	Cao Thị	Hồng	K49C	82	Tốt	
180	DTY1657201010110	Phạm Thị Lệ	Hồng	K49C	80	Tốt	
181	DTY1657201010114	Lâm Thị Kim	Huệ	K49C	80	Tốt	
182	DTY1657201010115	Nguyễn Thị	Huệ	K49C	90	Xuất sắc	
183	DTY1657201010117	Đỗ Văn	Hùng	K49C	90	Xuất sắc	
184	DTY1657201010137	Lê Thị	Huyền	K49C	89	Tốt	
185	DTY1657201010123	Bàn Thị	Hương	K49C	85	Tốt	
186	DTY1657201010128	Lê Thị	Hương	K49C	89	Tốt	
187	DTY1657201010130	Hồ Thị	Hường	K49C	80	Tốt	
188	DTY1657201010141	Hạng A	Khua	K49C	84	Tốt	
189	DTY1657201010143	Vi Thị Hồng	La	K49C	89	Tốt	
190	DTY1657201010147	Ngô Thu	Lan	K49C	95	Xuất sắc	
191	DTY1657201010148	Hà Thị Huệ	Lanh	K49C	94	Xuất sắc	
192	DTY1657201010152	Trần Thị	Liên	K49C	85	Tốt	
193	DTY1657201010168	Đàm Diệu	Linh	K49C	85	Tốt	
194	DTY1657201010169	Lê Thị Thùy	Linh	K49C	90	Xuất sắc	
195	DTY1657201010167	Nguyễn Thị Hoàng	Linh	K49C	74	Khá	
196	DTY1657201010170	Quách Công	Linh	K49C	85	Tốt	
197	DTY1657201010175	Nguyễn Huy	Long	K49C	75	Khá	
198	DTY1657201010180	Ngân Thị Hương	Ly	K49C	85	Tốt	
199	DTY1657201010182	Nguyễn Thanh	Mai	K49C	85	Tốt	
200	DTY1657201010189	Nguyễn Thị Nhất	Nam	K49C	92	Xuất sắc	
201	DTY1657201010320	Trần Thị Thu	Nam	K49C	80	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
202	DTY1657201010195	Liều Văn	Nghị	K49C	75	Khá	
203	DTY1657201010199	Phạm Văn	Nhuận	K49C	99	Xuất sắc	
204	DTY1657201010206	Hà Kiều	Oanh	K49C	80	Tốt	
205	DTY1657201010208	Nguyễn Hoàng	Phong	K49C	69	Khá	
206	DTY1657201010212	Trần Thị	Phương	K49C	75	Khá	
207	DTY1657201010217	Nguyễn Văn	Quang	K49C	80	Tốt	
208	DTY1657201010221	Trần Thị	Quyên	K49C	80	Tốt	
209	DTY1657201010227	Sùng A	Sang	K49C	80	Tốt	
210	DTY1657201010231	Vi Thái	Sơn	K49C	69	Khá	
211	DTY1657201010239	Bế Văn	Thanh	K49C	100	Xuất sắc	
212	DTY1657201010243	Hoàng Dương	Thành	K49C	90	Xuất sắc	
213	DTY1657201010250	Dương Thị Phương	Thảo	K49C	85	Tốt	
214	DTY1657201010249	Nguyễn Phương	Thảo	K49C	88	Tốt	
215	DTY1657201010246	Phùng Thị Thanh	Thảo	K49C	93	Xuất sắc	
216	DTY1657201010235	Hoàng Hồng	Thắm	K49C	85	Tốt	
217	DTY1657201010238	Chang A	Thắng	K49C	80	Tốt	
218	DTY1657201010257	Mê Thị	Thêu	K49C	80	Tốt	
219	DTY1657201010268	Trịnh Thị Thu	Thùy	K49C	95	Xuất sắc	
220	DTY1657201010265	Khổng Thị	Thư	K49C	95	Xuất sắc	
221	DTY1657201010271	Đoàn Thủy	Tiên	K49C	82	Tốt	
222	DTY1657201010274	Lương Minh	Tôn	K49C	76	Khá	
223	DTY1657201010276	Hoàng Thị	Trà	K49C	82	Tốt	
224	DTY1657201010285	Nguyễn Hồng	Trường	K49C	98	Xuất sắc	
225	DTY1657201010286	Lò Văn	Tuân	K49C	70	Khá	
226	DTY1657201010292	Lê Hồng	Vân	K49C	80	Tốt	
227	DTY1657201010304	Dương Thị Hải	Yến	K49C	80	Tốt	
228	DTY1657201010302	Đặng Thị	Yến	K49C	75	Khá	
229	DTY1657201024578	Lê Minh	Huy	K49C	76	Khá	
230	DTY1657201010002	Hoàng Văn	Anh	K49D	88	Tốt	
231	DTY1657201010004	Trần Minh Hiếu	Anh	K49D	88	Tốt	
232	DTY1657201010001	Trần Văn	Anh	K49D	85	Tốt	
233	DTY1657201010020	Phạm Thị	Ánh	K49D	88	Tốt	
234	DTY1657201010022	Lê Công	Bình	K49D	75	Khá	
235	DTY1657201010026	Hà Thị Kim	Chi	K49D	76	Khá	
236	DTY1657201010030	Chân Thị	Chinh	K49D	85	Tốt	
237	DTY1657201010033	Bùi Văn	Công	K49D	90	Xuất sắc	
238	DTY1657201010039	Hàng A	Dơ	K49D	75	Khá	
239	DTY1657201010042	Đặng Thị Thùy	Dung	K49D	88	Tốt	
240	DTY1657201010045	Hoàng Trung	Dũng	K49D	80	Tốt	
241	DTY1657201010050	Trương Thị Mỹ	Duyên	K49D	88	Tốt	
242	DTY1657201010063	Vi Thị	Giang	K49D	76	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
243	DTY1657201010313	Nguyễn Hoàng Hải	K49D	75	Khá	
244	DTY1657201010068	Phí Đình Hải	K49D	80	Tốt	
245	DTY1657201010074	Vũ Thị Hạnh	K49D	88	Tốt	
246	DTY1657201010069	Trương Thị Hằng	K49D	90	Xuất sắc	
247	DTY1657201010080	Trần Thu Hiền	K49D	87	Tốt	
248	DTY1657201010081	Dương Thị Hiền	K49D	76	Khá	
249	DTY1657201010088	Nguyễn Minh Hiếu	K49D	87	Tốt	
250	DTY1657201010092	Vũ Thị Phương Hoa	K49D	87	Tốt	
251	DTY1657201010095	Lục Thu Hoài	K49D	75	Khá	
252	DTY1657201010094	Trần Thị Thanh Hoài	K49D	88	Tốt	
253	DTY1657201010104	Đinh Văn Hoàng	K49D	90	Xuất sắc	
254	DTY1657201010103	La Minh Hoàng	K49D	80	Tốt	
255	DTY1657201010116	Nguyễn Thị Minh Huệ	K49D	88	Tốt	
256	DTY1657201010133	Nguyễn Xuân Huy	K49D	87	Tốt	
257	DTY1657201010138	Đỗ Thị Thanh Huyền	K49D	87	Tốt	
258	DTY1657201010136	Lục Thanh Huyền	K49D	76	Khá	
259	DTY1657201010126	Lâm Thanh Hương	K49D	95	Xuất sắc	
260	DTY1657201010124	Tráng Sử Hương	K49D	87	Tốt	
261	DTY1657201010144	Triệu Đức Lâm	K49D	82	Tốt	
262	DTY1657201010149	Đỗ Thị Kim Lệ	K49D	90	Xuất sắc	
263	DTY1657201010317	Nông Khải Lệ	K49D	75	Khá	
264	DTY1657201010154	Hoàng Thị Liễu	K49D	82	Tốt	
265	DTY1657201010166	Đặng Văn Linh	K49D	76	Khá	
266	DTY1657201010171	Đồng Thị Phương Linh	K49D	83	Tốt	
267	DTY1657201010164	Nguyễn Bá Linh	K49D	76	Khá	
268	DTY1657201010165	Nguyễn Thùy Linh	K49D	87	Tốt	
269	DTY1657201010156	Triệu Thị Diệu Linh	K49D	75	Khá	
270	DTY1657201010172	Hoàng Thị Loan	K49D	76	Khá	
271	DTY1657201010173	Quách Đức Lộc	K49D	65	Khá	
272	DTY1657201010174	Lữ Văn Lợi	K49D	88	Tốt	
273	DTY1657201010185	Nguyễn Tuấn Mạnh	K49D	76	Khá	
274	DTY1657201010191	Nguyễn Thị Nga	K49D	88	Tốt	
275	DTY1657201010196	Chào Tiến Nghiệp	K49D	87	Tốt	
276	DTY1657201010321	Bùi Thị Nhật	K49D	76	Khá	
277	DTY1657201010203	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	K49D	88	Tốt	
278	DTY1657201010205	Lý Hoàng Oanh	K49D	88	Tốt	
279	DTY1657201010209	Hà Quang Phong	K49D	87	Tốt	
280	DTY1657201010216	Vũ Minh Quang	K49D	80	Tốt	
281	DTY1657201010219	Vàng Văn Quốc	K49D	63	Trung bình	
282	DTY1657201010222	Lê Huy Quyền	K49D	80	Tốt	
283	DTY1657201010228	Tòng Thị Sơn	K49D	87	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
284	DTY1657201010229	Nguyễn Tiến	Son	K49D	88	Tốt	
285	DTY1657201010242	Nguyễn Văn	Thành	K49D	80	Tốt	
286	DTY1657201010247	Đặng Thị	Thảo	K49D	87	Tốt	
287	DTY1657201010254	Nguyễn Thị Thạch	Thảo	K49D	88	Tốt	
288	DTY1657201010251	Vũ Phương	Thảo	K49D	88	Tốt	
289	DTY1657201010237	Nguyễn Đức	Thắng	K49D	80	Tốt	
290	DTY1657201010258	Lê Đình	Thiên	K49D	87	Tốt	
291	DTY1657201010259	Nguyễn Văn	Thiệp	K49D	76	Khá	
292	DTY1657201010262	Liều Thị Kim	Thoa	K49D	88	Tốt	
293	DTY1657201010264	Phạm Minh	Thư	K49D	90	Xuất sắc	
294	DTY1657201010306	Koumdavone	Touy	K49D	65	Khá	
295	DTY1657201010275	Nguyễn Thị	Trà	K49D	88	Tốt	
296	DTY1657201010277	Nguyễn Thị Thùy	Trang	K49D	90	Xuất sắc	
297	DTY1657201010287	Lê Minh	Tuấn	K49D	88	Tốt	
298	DTY1657201010307	Akaphun	Vannasing	K49D	76	Khá	
299	DTY1657201010293	Nguyễn Quốc	Việt	K49D	81	Tốt	
300	DTY1657201010295	Nguyễn Long	Vũ	K49D	80	Tốt	
301	DTY1657201010308	Somphouthong	Xaiphone	K49D	70	Khá	
302	DTY1657201010309	Chanphen	Xayavong	K49D	65	Khá	
303	DTY1657201010301	Nguyễn Thị	Yến	K49D	75	Khá	
304	DTY1657201010303	Nguyễn Trọng	Yến	K49D	80	Tốt	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

**KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2021 - 2022
CỦA SINH VIÊN LỚP Y HỌC DỰ PHÒNG K10**

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
1	DTY1657203020001	Vũ Thị Ánh	95	Xuất sắc	
2	DTY1657203020002	Nguyễn Thị Bách	84	Tốt	
3	DTY1657203020003	Nguyễn Thị Bích	89	Tốt	
4	DTY1657203020005	Hoàng Thị Dung	96	Xuất sắc	
5	DTY1657203020007	Nguyễn Minh Đức	96	Xuất sắc	
6	DTY1657203020009	Diệp Thị Hà	89	Tốt	
7	DTY1657203020010	Hoàng Thị Thu Hà	84	Tốt	
8	DTY1657203020011	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	84	Tốt	
9	DTY1657203020012	Trần Thị Hiền	91	Xuất sắc	
10	DTY1657203020011	Từ Quốc Hiếu	84	Tốt	
11	DTY1657203020013	Nguyễn Trần Huy Hoàng	98	Xuất sắc	
12	DTY1657203020014	Đỗ Mạnh Huân	93	Xuất sắc	
13	DTY1657203020016	Trần Thị Thanh Huyền	89	Tốt	
14	DTY1657203020015	Nguyễn Thị Lan Hương	96	Xuất sắc	
15	DTY1657203020017	Nguyễn Thị Lan	84	Tốt	
16	DTY1657203020029	Nguyễn Ngọc Mai	100	Xuất sắc	
17	DTY1657203020032	Hoàng Thị Mến	84	Tốt	
18	DTY1657203020019	Nguyễn Thị Kim Ngân	89	Tốt	
19	DTY1657203020020	Trần Thị Ngọc	96	Xuất sắc	
20	DTY1657203020021	Sùng Seo Sếnh	89	Tốt	
21	DTY1657203020030	Trần Thị Thảo	89	Tốt	
22	DTY1657203020024	Hoàng Thị Thêu	90	Xuất sắc	
23	DTY1657203020025	Nguyễn Thị Thoa	89	Tốt	
24	DTY1657203020026	Lục Hoài Thu	89	Tốt	
25	DTY1557203020073	Hồ Thị Thủy Tiên	84	Tốt	
26	DTY1557203020074	Vũ Thế Toàn	82	Tốt	

KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2021 - 2022
CỦA SINH VIÊN NGÀNH DƯỢC K13

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
1	DTY 1757204010001	Chu Văn	Anh	Dược K13A	85	Tốt	
2	DTY 1757204010006	Lê Mai	Anh	Dược K13A	88	Tốt	
3	DTY 1757204010008	Vũ Thị	Ánh	Dược K13A	88	Tốt	
4	DTY 1757204010011	Đỗ Minh	Châu	Dược K13A	83	Tốt	
5	DTY 1757204010013	Trần Linh	Chi	Dược K13A	88	Tốt	
6	DTY 1757204010142	Xaixana	Chitsamai	Dược K13A	88	Tốt	
7	DTY 1757204010015	Toán Thị	Cúc	Dược K13A	88	Tốt	
8	DTY 1757204010017	Vũ Thị	Dinh	Dược K13A	88	Tốt	
9	DTY 1757204010019	Bùi Thị Thùy	Dung	Dược K13A	88	Tốt	
10	DTY 1757204010022	Phạm Thị Hồng	Duyên	Dược K13A	88	Tốt	
11	DTY 1757204010023	Lê Quang	Đại	Dược K13A	88	Tốt	
12	DTY 1757204010025	Trần Hương	Giang	Dược K13A	88	Tốt	
13	DTY 1757204010026	Nguyễn Thị	Hà	Dược K13A	85	Tốt	
14	DTY 1757204010029	Phó Thị	Hải	Dược K13A	88	Tốt	
15	DTY 1757204010032	Phan Thị Mỹ	Hạnh	Dược K13A	88	Tốt	
16	DTY 1757204010034	Trần Thị Thu	Hiền	Dược K13A	88	Tốt	
17	DTY 1757204010035	Nguyễn Minh	Hiếu	Dược K13A	90	Xuất sắc	
18	DTY 1757204010037	Trịnh Thanh	Hoàng	Dược K13A	83	Tốt	
19	DTY 1757204010040	Hoàng Thảo	Huế	Dược K13A	90	Xuất sắc	
20	DTY 1757204010042	Long Thị	Huệ	Dược K13A	88	Tốt	
21	DTY 1757204010053	Nguyễn Đức	Huy	Dược K13A	88	Tốt	
22	DTY 1757204010054	Lê Ngọc	Huyền	Dược K13A	88	Tốt	
23	DTY 1757204010057	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Dược K13A	90	Xuất sắc	
24	DTY 1757204010044	Lã Thị Lan	Hương	Dược K13A	88	Tốt	
25	DTY 1757204010046	Nguyễn Lan	Hương	Dược K13A	88	Tốt	
26	DTY 1757204010047	Nguyễn Thị	Hương	Dược K13A	88	Tốt	
27	DTY 1757204010051	Lã Diệu	Hường	Dược K13A	88	Tốt	
28	DTY 1757204010050	Trần Thị	Hường	Dược K13A	88	Tốt	
29	DTY 1757204010059	Lê Hồng	Khanh	Dược K13A	88	Tốt	
30	DTY 1757204010060	Ngô Thị	Lâm	Dược K13A	88	Tốt	
31	DTY 1757204010068	Bế Thị Thùy	Linh	Dược K13A	88	Tốt	
32	DTY 1757204010067	Nguyễn Diệu	Linh	Dược K13A	88	Tốt	
33	DTY 1757204010066	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Dược K13A	88	Tốt	
34	DTY 1757204010069	Tổng Khánh	Linh	Dược K13A	88	Tốt	
35	DTY 1757204010071	Tổng Thị	Loan	Dược K13A	88	Tốt	
36	DTY 1757204010073	Nguyễn Thị	Luyến	Dược K13A	88	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
37	DTY 1757204010074	Nguyễn Thị Hiền Mai	Được K13A	88	Tốt	
38	DTY 1757204010077	Nguyễn Thị Nga	Được K13A	88	Tốt	
39	DTY 1757204010080	Nguyễn Thị Kim Ngân	Được K13A	88	Tốt	
40	DTY 1757204010082	Nguyễn Bảo Ngọc	Được K13A	88	Tốt	
41	DTY 1757204010083	Nguyễn Trang Nguyên	Được K13A	88	Tốt	
42	DTY 1757204010085	Phạm Thị Nguyệt	Được K13A	88	Tốt	
43	DTY 1757204010088	Trần Thị Thảo Nhi	Được K13A	88	Tốt	
44	DTY 1757204010091	Lê Thị Nhung	Được K13A	88	Tốt	
45	DTY 1757204010092	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Được K13A	88	Tốt	
46	DTY 1757204010093	Nguyễn Hồng Ninh	Được K13A	88	Tốt	
47	DTY 1757204010096	Bùi Anh Phong	Được K13A	82	Tốt	
48	DTY 1757204010098	Nguyễn Minh Phương	Được K13A	88	Tốt	
49	DTY 1757204010102	Phạm Hồng Quân	Được K13A	85	Tốt	
50	DTY 1757204010106	Lê Thúy Quỳnh	Được K13A	90	Xuất sắc	
51	DTY 1757204010104	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Được K13A	90	Xuất sắc	
52	DTY 1757204010108	Hoàng Thị Sinh	Được K13A	88	Tốt	
53	DTY 1757204010112	Đỗ Thị Phương Thảo	Được K13A	90	Xuất sắc	
54	DTY 1757204010114	Trần Thị Thảo	Được K13A	83	Tốt	
55	DTY 1757204010113	Trần Thị Hương Thảo	Được K13A	83	Tốt	
56	DTY 1757204010115	Trần Thị Phương Thảo	Được K13A	88	Tốt	
57	DTY 1757204010121	Đào Thị Xuân Thu	Được K13A	88	Tốt	
58	DTY 1757204010122	Phạm Văn Thuận	Được K13A	82	Tốt	
59	DTY 1757204010124	Liễu Thanh Thúy	Được K13A	88	Tốt	
60	DTY 1757204010126	Nguyễn Thị Thu Trang	Được K13A	83	Tốt	
61	DTY 1757204010127	Chu Thị Trang	Được K13A	88	Tốt	
62	DTY 1757204010130	Cao Thị Cẩm Tú	Được K13A	88	Tốt	
63	DTY 1757204010131	Đoàn Anh Tuấn	Được K13A	85	Tốt	
64	DTY 1757204010133	Vi Thị Tuyết	Được K13A	88	Tốt	
65	DTY 1757204010134	Trần Ngọc Bảo Uyên	Được K13A	88	Tốt	
66	DTY 1757204010136	Nguyễn Văn Việt	Được K13A	90	Xuất sắc	
67	DTY 1757204010138	Nguyễn Thị Xoan	Được K13A	88	Tốt	
68	DTY 1757204010140	Nguyễn Thị Xuân	Được K13A	88	Tốt	
69	DTY1757204010003	Nguyễn Hoàng Anh	Được K13B	78	Khá	
70	DTY1757204010002	Nguyễn Thị Mai Anh	Được K13B	78	Khá	
71	DTY1757204010005	Nguyễn Thị Tú Anh	Được K13B	86	Tốt	
72	DTY1757204010009	Lê Thị Ánh	Được K13B	80	Tốt	
73	DTY1757204010010	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Được K13B	84	Tốt	
74	DTY1757204010012	Phạm Thị Hoài Chi	Được K13B	98	Xuất sắc	
75	DTY1757204010014	Trần Thị Kiều Chinh	Được K13B	84	Tốt	
76	DTY1757204010016	Bùi Mạnh Cường	Được K13B	78	Khá	
77	DTY1757204010020	Lê Văn Dũng	Được K13B	82	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
78	DTY1757204010021	Nguyễn Thị Thùy Dương	Dược K13B	84	Tốt	
79	DTY1757204010024	Lê Văn Đạt	Dược K13B	78	Khá	
80	DTY1757204010028	Lê Nguyễn Việt Hà	Dược K13B	84	Tốt	
81	DTY1757204010027	Lương Thị Hồng Hà	Dược K13B	84	Tốt	
82	DTY1757204010031	Lê Hải Ngân Hạnh	Dược K13B	96	Xuất sắc	
83	DTY1757204010033	Nguyễn Thị Hào	Dược K13B	86	Tốt	
84	DTY1757204010030	Tổng Thị Thúy Hằng	Dược K13B	82	Tốt	
85	DTY1757204010036	Phạm Văn Hiếu	Dược K13B	82	Tốt	
86	DTY1757204010038	Nguyễn Đình Hoàng	Dược K13B	78	Khá	
87	DTY1757204010039	Nguyễn Huy Hoàng	Dược K13B	82	Tốt	
88	DTY1757204010041	Nguyễn Ngọc Huế	Dược K13B	84	Tốt	
89	DTY1757204010052	Nguyễn Xuân Huy	Dược K13B	77	Khá	
90	DTY1757204010055	Nông Minh Huyền	Dược K13B	86	Tốt	
91	DTY1757204010056	Vũ Thanh Huyền	Dược K13B	78	Khá	
92	DTY1757204010045	Nguyễn Thị Hương	Dược K13B	86	Tốt	
93	DTY1757204010048	Nguyễn Thị Thu Hương	Dược K13B	82	Tốt	
94	DTY1757204010043	Võ Thị Thanh Hương	Dược K13B	80	Tốt	
95	DTY1757204010049	Nguyễn Thị Thúy Hường	Dược K13B	73	Khá	
96	DTY1757204010058	Nguyễn Đức Khang	Dược K13B	78	Khá	
97	DTY1757204010062	Nguyễn Phương Lan	Dược K13B	80	Tốt	
98	DTY1757204010061	Nguyễn Hà Lâm	Dược K13B	78	Khá	
99	DTY1757204010063	Chu Ngọc Linh	Dược K13B	78	Khá	
100	DTY1757204010065	Hắc Thùy Linh	Dược K13B	84	Tốt	
101	DTY1757204010070	Nguyễn Thị Thùy Linh	Dược K13B	88	Tốt	
102	DTY1757204010064	Trịnh Phương Linh	Dược K13B	82	Tốt	
103	DTY1757204010072	Phạm Xuân Lộc	Dược K13B	78	Khá	
104	DTY1757204010075	Trần Thị Mai	Dược K13B	86	Tốt	
105	DTY1757204010076	Nguyễn Tiến Mạnh	Dược K13B	90	Xuất sắc	
106	DTY1757204010078	Nguyễn Thị Nga	Dược K13B	84	Tốt	
107	DTY1757204010079	Phùng Thị Ngân	Dược K13B	86	Tốt	
108	DTY1757204010081	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Dược K13B	92	Xuất sắc	
109	DTY1757204010084	Phan Thị Nguyệt	Dược K13B	82	Tốt	
110	DTY1757204010086	Lương Thị Nha	Dược K13B	86	Tốt	
111	DTY1757204010087	Hứa Thị Nhạ	Dược K13B	84	Tốt	
112	DTY1757204010090	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Dược K13B	82	Tốt	
113	DTY1757204010089	Trần Thị Nhung	Dược K13B	82	Tốt	
114	DTY1757204010094	Trịnh Hồng Ninh	Dược K13B	86	Tốt	
115	DTY1757204010095	Bùi Thị Phấn	Dược K13B	84	Tốt	
116	DTY1757204010097	Đặng Thị Phúc	Dược K13B	92	Xuất sắc	
117	DTY1757204010099	Trần Thảo Phương	Dược K13B	84	Tốt	
118	DTY1757204010101	Lê Anh Quân	Dược K13B	82	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
119	DTY1757204010103	Nguyễn Thị	Quyên	Được K13B	96	Xuất sắc	
120	DTY1757204010105	Nguyễn Như	Quỳnh	Được K13B	84	Tốt	
121	DTY1757204010107	Nguyễn Thị	Sen	Được K13B	88	Tốt	
122	DTY1757204010109	Giàng A	Sở	Được K13B	80	Tốt	
123	DTY1757204010110	Hà Ngọc	Tân	Được K13B	80	Tốt	
124	DTY1757204010111	Phạm Ngọc	Thành	Được K13B	78	Khá	
125	DTY1757204010119	Bùi Thị	Thảo	Được K13B	80	Tốt	
126	DTY1757204010118	Đỗ Thị Ngọc	Thảo	Được K13B	86	Tốt	
127	DTY1757204010116	Nguyễn Thị Bích	Thảo	Được K13B	82	Tốt	
128	DTY1757204010117	Phạm Phương	Thảo	Được K13B	88	Tốt	
129	DTY1757204010120	Phạm Thị	Thu	Được K13B	82	Tốt	
130	DTY1757204010123	Dương Thị	Thúy	Được K13B	78	Khá	
131	DTY1757204010125	Trần Thị Hương	Trà	Được K13B	78	Khá	
132	DTY1757204010128	Dương Minh	Trang	Được K13B	78	Khá	
133	DTY1757204010129	Bùi Thị Cẩm	Tú	Được K13B	78	Khá	
134	DTY1757204010132	Phạm Thị Hồng	Tuyết	Được K13B	84	Tốt	
135	DTY1757204010135	Nguyễn Thị	Vân	Được K13B	80	Tốt	
136	DTY1757204010137	Quàng Thị	Vui	Được K13B	94	Xuất sắc	
137	DTY1757204010139	Nguyễn Thị	Xuân	Được K13B	82	Tốt	
138	DTY1757204010141	Hán Thị Hải	Yến	Được K13B	78	Khá	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

**KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2021 - 2022
CỦA SINH VIÊN NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG K15**

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
1	DTY1857203010151	Ngô Thị	Anh	CNĐD K15A	80	Tốt	
2	DTY1857203010152	Phạm Thị Lan	Anh	CNĐD K15A	90	Xuất sắc	
3	DTY1857203010153	Vũ Thị Phương	Anh	CNĐD K15A	82	Tốt	
4	DTY1857203010154	Nguyễn Thị	Bình	CNĐD K15A	80	Tốt	
5	DTY1857203010155	Dương Thị	Cần	CNĐD K15A	80	Tốt	
6	DTY1857203010156	Vũ Thị Kiều	Châm	CNĐD K15A	80	Tốt	
7	DTY1857203010157	Nguyễn Khánh	Chi	CNĐD K15A	80	Tốt	
8	DTY1857203010158	Dương Thị	Duyên	CNĐD K15A	82	Tốt	
9	DTY1857203010159	Đoàn Thu	Giang	CNĐD K15A	82	Tốt	
10	DTY1857203010160	Nguyễn Thị Hương	Giang	CNĐD K15A	80	Tốt	
11	DTY1857203010161	Nguyễn Thị Thu	Hà	CNĐD K15A	80	Tốt	
12	DTY1857203010162	Nguyễn Thị Thu	Hải	CNĐD K15A	80	Tốt	
13	DTY1857203010163	Hoàng Hồng	Hạnh	CNĐD K15A	80	Tốt	
14	DTY1857203010164	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	CNĐD K15A	92	Xuất sắc	
15	DTY1857203010165	Lê Thị Minh	Hằng	CNĐD K15A	80	Tốt	
16	DTY1857203010166	Nguyễn Thị	Hiển	CNĐD K15A	80	Tốt	
17	DTY1857203010167	Đào Thị	Hoài	CNĐD K15A	82	Tốt	
18	DTY1857203010168	Đỗ Thu	Hoài	CNĐD K15A	82	Tốt	
19	DTY1857203010169	Lăng Thị	Huệ	CNĐD K15A	82	Tốt	
20	DTY1857203010170	Nguyễn Thị	Huệ	CNĐD K15A	75	Khá	
21	DTY1857203010171	Đỗ Thu	Huyền	CNĐD K15A	80	Tốt	
22	DTY1857203010172	Nguyễn Thị Thu	Huyền	CNĐD K15A	82	Tốt	
23	DTY1857203010173	Nguyễn Thị	Lịch	CNĐD K15A	80	Tốt	
24	DTY1857203010174	Đặng Thuý	Linh	CNĐD K15A	82	Tốt	
25	DTY1857203010175	Trần Trọng	Mừng	CNĐD K15A	90	Xuất sắc	
26	DTY1857203010176	Trần Thị Kim	Oanh	CNĐD K15A	90	Xuất sắc	
27	DTY1857203010177	Hoàng Thị	Tâm	CNĐD K15A	80	Tốt	
28	DTY1857203010178	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	CNĐD K15A	82	Tốt	
29	DTY1857203010179	Nguyễn Thị	Thái	CNĐD K15A	90	Xuất sắc	
30	DTY1857203010180	Lê Bình	Thanh	CNĐD K15A	85	Tốt	
31	DTY1857203010181	Hoàng Thu	Thảo	CNĐD K15A	80	Tốt	
32	DTY1857203010182	Phạm Thị Thu	Thảo	CNĐD K15A	80	Tốt	
33	DTY1857203010183	Hoàng Thị	Tính	CNĐD K15A	82	Tốt	
34	DTY1857203010184	Nguyễn Thị Huyền	Trang	CNĐD K15A	82	Tốt	
35	DTY1857203010185	Phạm Thu	Trang	CNĐD K15A	77	Khá	
36	DTY1857203010186	Nguyễn Đình	Tú	CNĐD K15A	80	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
37	DTY1857203010004	Lê Thị Hồng	Anh	CNĐD K15B	82	Tốt	
38	DTY1857203010006	Nguyễn Thị Tú	Anh	CNĐD K15B	97	Xuất sắc	
39	DTY1857203010002	Phan Thị Kim	Anh	CNĐD K15B	100	Xuất sắc	
40	DTY1857203010003	Trần Thị Vân	Anh	CNĐD K15B	97	Xuất sắc	
41	DTY1857203010010	Ma Khắc	Canh	CNĐD K15B	75	Khá	
42	DTY1857203010014	Nguyễn Thị Việt	Chinh	CNĐD K15B	75	Khá	
43	DTY1857203010015	Lân Thị	Dánh	CNĐD K15B	77	Khá	
44	DTY1857203010017	Tô Thị Kiều	Diễm	CNĐD K15B	75	Khá	
45	DTY1857203010020	Đinh Thị Thùy	Dung	CNĐD K15B	77	Khá	
46	DTY1857203010024	Trần Mỹ	Duyên	CNĐD K15B	84	Tốt	
47	DTY1857203010021	Trần Thị Thùy	Dương	CNĐD K15B	85	Tốt	
48	DTY1857203010026	Phan Hồng	Điệp	CNĐD K15B	97	Xuất sắc	
49	DTY1857203010027	Phạm Huy	Đức	CNĐD K15B	75	Khá	
50	DTY1857203010029	Nguyễn Trà	Giang	CNĐD K15B	75	Khá	
51	DTY1857203010030	Phạm Thị Ngân	Giang	CNĐD K15B	70	Khá	
52	DTY1857203010032	Chu Nguyễn Thúy	Hà	CNĐD K15B	77	Khá	
53	DTY1857203010033	Hoàng Thị Thu	Hà	CNĐD K15B	100	Xuất sắc	
54	DTY1857203010035	Lăng Thị	Hạ	CNĐD K15B	77	Khá	
55	DTY1857203010046	Nguyễn Hồng	Hạnh	CNĐD K15B	77	Khá	
56	DTY1857203010041	Dương Thị	Hằng	CNĐD K15B	75	Khá	
57	DTY1857203010042	Lò Thị Thu	Hằng	CNĐD K15B	75	Khá	
58	DTY1857203010040	Nguyễn Minh	Hằng	CNĐD K15B	75	Khá	
59	DTY1857203010047	Nguyễn Thị Mai	Hiên	CNĐD K15B	97	Xuất sắc	
60	DTY1857203010051	Nguyễn Thị	Hiên	CNĐD K15B	77	Khá	
61	DTY1857203010052	Phạm Thị Thu	Hiên	CNĐD K15B	82	Tốt	
62	DTY1857203010054	Nguyễn Thị	Hoa	CNĐD K15B	77	Khá	
63	DTY1857203010056	Vũ Xuân	Hoàn	CNĐD K15B	67	Khá	
64	DTY1857203010066	Nguyễn Thị Thu	Huyền	CNĐD K15B	77	Khá	
65	DTY1857203010064	Trần Thanh	Hường	CNĐD K15B	75	Khá	
66	DTY1857203010068	Cao Thị	Khánh	CNĐD K15B	75	Khá	
67	DTY1857203010070	Hà Thanh	Lam	CNĐD K15B	97	Xuất sắc	
68	DTY1857203010072	Trần Thị	Lan	CNĐD K15B	77	Khá	
69	DTY1857203010076	Tênh Thị	Liên	CNĐD K15B	75	Khá	
70	DTY1857203010081	Nguyễn Hoài	Linh	CNĐD K15B	84	Tốt	
71	DTY1857203010080	Nguyễn Thuý	Linh	CNĐD K15B	75	Khá	
72	DTY1857203010086	Lò Thị	May	CNĐD K15B	87	Tốt	
73	DTY1857203010089	Nguyễn Thị	Minh	CNĐD K15B	75	Khá	
74	DTY1857203010088	Nguyễn Thị Thu	Minh	CNĐD K15B	75	Khá	
75	DTY1857203010091	Ma Thị Hồng	Ngát	CNĐD K15B	75	Khá	
76	DTY1857203010092	Trần Thị	Nghĩa	CNĐD K15B	75	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
77	DTY1857203010093	Lê Thị	Ngọc	CNĐD K15B	90	Xuất sắc	
78	DTY1857203010096	Trịnh Thị Thảo	Nguyên	CNĐD K15B	77	Khá	
79	DTY1857203010099	Phạm Thị Yến	Nhi	CNĐD K15B	100	Xuất sắc	
80	DTY1857203010106	Nguyễn Thị Thảo	Phuong	CNĐD K15B	75	Khá	
81	DTY1857203010108	Nguyễn Thị	Phượng	CNĐD K15B	75	Khá	
82	DTY1857203010110	Vũ Thị Thúy	Quỳnh	CNĐD K15B	75	Khá	
83	DTY1857203010115	Nguyễn Thị	Thanh	CNĐD K15B	75	Khá	
84	DTY1857203010116	Hà Phương	Thảo	CNĐD K15B	75	Khá	
85	DTY1857203010117	Nguyễn Thị	Thảo	CNĐD K15B	75	Khá	
86	DTY1857203010119	Nguyễn Thị Phương	Thảo	CNĐD K15B	77	Khá	
87	DTY1857203010114	Trịnh Thị	Thắm	CNĐD K15B	100	Xuất sắc	
88	DTY1857203010124	Dương Thị Huyền	Thu	CNĐD K15B	75	Khá	
89	DTY1857203010125	Nguyễn Thị Hoài	Thu	CNĐD K15B	75	Khá	
90	DTY1857203010134	Nguyễn Thị	Thủy	CNĐD K15B	87	Tốt	
91	DTY1857203010130	Bùi Ngọc	Thúy	CNĐD K15B	75	Khá	
92	DTY1857203010129	Trần Thị Ngọc	Thúy	CNĐD K15B	75	Khá	
93	DTY1857203010128	Phan Thị Minh	Thư	CNĐD K15B	75	Khá	
94	DTY1857203010143	Hoàng Thị	Trang	CNĐD K15B	97	Xuất sắc	
95	DTY1857203010141	Phạm Thu	Trang	CNĐD K15B	75	Khá	
96	DTY1857203010145	Nguyễn Đức	Tuấn	CNĐD K15B	75	Khá	
97	DTY1857203010146	Đặng Thanh	Tùng	CNĐD K15B	75	Khá	
98	DTY1857203010148	Nguyễn Thị Hồng	Vân	CNĐD K15B	77	Khá	
99	DTY1857203010001	Lê Thị Ngọc	Anh	CNĐD K15C	82	Tốt	
100	DTY1857203010007	Nguyễn Đức	Anh	CNĐD K15C	82	Tốt	
101	DTY1857203010008	Nguyễn Thị	Anh	CNĐD K15C	82	Tốt	
102	DTY1857203010009	Chu Thị	Bành	CNĐD K15C	82	Tốt	
103	DTY1857203010011	Lê Thị Linh	Chi	CNĐD K15C	82	Tốt	
104	DTY1857203010012	Phạm Thị Kim	Chi	CNĐD K15C	82	Tốt	
105	DTY1857203010013	Hồ Thị	Chinh	CNĐD K15C	82	Tốt	
106	DTY1857203010018	Lò Thị	Diệp	CNĐD K15C	92	Xuất sắc	
107	DTY1857203010023	Hoàng Thùy	Dương	CNĐD K15C	82	Tốt	
108	DTY1857203010031	Đỗ Thu	Hà	CNĐD K15C	82	Tốt	
109	DTY1857203010034	Nguyễn Thị Thu	Hà	CNĐD K15C	82	Tốt	
110	DTY1857203010037	Hà Thị	Hải	CNĐD K15C	82	Tốt	
111	DTY1857203010036	Tổng Thị	Hải	CNĐD K15C	82	Tốt	
112	DTY1857203010044	Hoàng Hồng	Hạnh	CNĐD K15C	82	Tốt	
113	DTY1857203010045	Nguyễn Thị	Hạnh	CNĐD K15C	82	Tốt	
114	DTY1857203010038	Lương Thị	Hằng	CNĐD K15C	92	Xuất sắc	
115	DTY1857203010039	Nguyễn Minh	Hằng	CNĐD K15C	82	Tốt	
116	DTY1857203010043	Nguyễn Thị	Hằng	CNĐD K15C	92	Xuất sắc	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
117	DTY1857203010049	Chu Thị	Hiền	CNĐD K15C	92	Xuất sắc	
118	DTY1857203010050	Đặng Thị	Hiền	CNĐD K15C	82	Tốt	
119	DTY1857203010048	Nguyễn Thị Thu	Hiền	CNĐD K15C	82	Tốt	
120	DTY1857203010053	Đặng Văn	Hiệp	CNĐD K15C	82	Tốt	
121	DTY1857203010055	Đồng Thị	Hoài	CNĐD K15C	82	Tốt	
122	DTY1857203010061	Lý Thị Thanh	Huệ	CNĐD K15C	82	Tốt	
123	DTY1857203010060	Nguyễn Thị Thu	Huệ	CNĐD K15C	82	Tốt	
124	DTY1857203010067	Trần Phương	Huyền	CNĐD K15C	82	Tốt	
125	DTY1857203010062	Tạ Thu	Hương	CNĐD K15C	82	Tốt	
126	DTY1857203010063	Bùi Thị	Hường	CNĐD K15C	82	Tốt	
127	DTY1857203010069	Tạ Thị	Kiều	CNĐD K15C	82	Tốt	
128	DTY1857203010073	Lò Thị Diệu	Lan	CNĐD K15C	82	Tốt	
129	DTY1857203010074	Nguyễn Thị	Lịch	CNĐD K15C	82	Tốt	
130	DTY1857203010075	Ma Thị Thuý	Liên	CNĐD K15C	82	Tốt	
131	DTY1857203010078	Ngô Thùy	Linh	CNĐD K15C	82	Tốt	
132	DTY1857203010079	Nguyễn Thị Thùy	Linh	CNĐD K15C	82	Tốt	
133	DTY1857203010077	Nguyễn Thuý	Linh	CNĐD K15C	82	Tốt	
134	DTY1857203010085	Nguyễn Khánh	Ly	CNĐD K15C	92	Xuất sắc	
135	DTY1857203010087	Ngô Thị	Mến	CNĐD K15C	82	Tốt	
136	DTY1857203010094	Nguyễn Thị	Ngọc	CNĐD K15C	82	Tốt	
137	DTY1857203010095	Nguyễn Thảo	Nguyên	CNĐD K15C	92	Xuất sắc	
138	DTY1857203010097	Phùng Thị Ánh	Nguyệt	CNĐD K15C	92	Xuất sắc	
139	DTY1857203010100	Hoàng Thị Hồng	Nhung	CNĐD K15C	92	Xuất sắc	
140	DTY1857203010103	Lâu Thị	Nhung	CNĐD K15C	82	Tốt	
141	DTY1857203010101	Nguyễn Hồng	Nhung	CNĐD K15C	82	Tốt	
142	DTY1857203010104	Ngô Ngọc	Ninh	CNĐD K15C	82	Tốt	
143	DTY1857203010105	Lê Thanh	Phương	CNĐD K15C	82	Tốt	
144	DTY1857203010111	Nguyễn Doãn Thị	Quỳnh	CNĐD K15C	82	Tốt	
145	DTY1857203010112	Đào Thị	Sang	CNĐD K15C	82	Tốt	
146	DTY1857203010120	Bùi Thị	Thảo	CNĐD K15C	82	Tốt	
147	DTY1857203010118	Ngô Thu	Thảo	CNĐD K15C	82	Tốt	
148	DTY1857203010122	Tông Thị	Thơ	CNĐD K15C	82	Tốt	
149	DTY1857203010123	Lê Thị	Thom	CNĐD K15C	82	Tốt	
150	DTY1857203010133	Nguyễn Thanh	Thủy	CNĐD K15C	82	Tốt	
151	DTY1857203010132	Nguyễn Thị	Thủy	CNĐD K15C	82	Tốt	
152	DTY1857203010131	Đào Hồng	Thúy	CNĐD K15C	82	Tốt	
153	DTY1857203010135	Lê Thủy	Tiên	CNĐD K15C	82	Tốt	
154	DTY1857203010138	Đinh Thị Huyền	Trang	CNĐD K15C	82	Tốt	
155	DTY1857203010140	Đinh Thị Thu	Trang	CNĐD K15C	82	Tốt	
156	DTY1857203010137	Lê Thị Huyền	Trang	CNĐD K15C	82	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
157	DTY1857203010139	Mai Thu	Trang	CNĐD K15C	82	Tốt	
158	DTY1857203010147	Quách Thị Hồng	Vân	CNĐD K15C	82	Tốt	
159	DTY1857203010150	Mạc Hà	Vy	CNĐD K15C	82	Tốt	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2021 - 2022
CỦA SINH VIÊN LỚP XÉT NGHIỆM Y HỌC K2

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
1	DTY1857206010001	Lại Văn Anh	91	Xuất sắc	
2	DTY1857206010003	Trần Thị Ngọc Ánh	82	Tốt	
3	DTY1857206010004	Nguyễn Thanh Cảnh	95	Xuất sắc	
4	DTY1857206010005	Nguyễn Mạnh Cường	93	Xuất sắc	
5	DTY1857206010006	Vũ Hồng Diệu	84	Tốt	
6	DTY1857206010008	Phạm Quang Duy	82	Tốt	
7	DTY1857206010009	Vũ Thị Ngọc Duyên	84	Tốt	
8	DTY1857206010010	Hoàng Thị Đào	82	Tốt	
9	DTY1857206010012	Phan Thị Hào	84	Tốt	
10	DTY1857206010013	Nguyễn Thạc Dung Hoa	82	Tốt	
11	DTY1857206010014	Vũ Thị Huế	82	Tốt	
12	DTY1857206010015	Vũ Lan Hương	82	Tốt	
13	DTY1857206010016	Nguyễn Thị Thanh Huyền	82	Tốt	
14	DTY1857206010017	Nguyễn Thu Huyền	81	Tốt	
15	DTY1857206010018	Nguyễn Thu Huyền	86	Tốt	
16	DTY1857206010019	Nguyễn Khánh Huyền	84	Tốt	
17	DTY1857206010020	Nguyễn Đức Khiêm	81	Tốt	
18	DTY1857206010021	Hà Thị Thảo Lam	83	Tốt	
19	DTY1857206010022	Nguyễn Thị Lê	82	Tốt	
20	DTY1857206010023	Hoài Linh	80	Tốt	
21	DTY1857206010024	Hoàng Thị Linh	84	Tốt	
22	DTY1857206010025	Toàn Tiến Linh	87	Tốt	
23	DTY1857206010026	Nguyễn Khánh Linh	82	Tốt	
24	DTY1857206010027	Nguyễn Thị Ngọc Linh	81	Tốt	
25	DTY1857206010028	Phạm Hồng Long	93	Xuất sắc	
26	DTY1857206010029	Nguyễn Thị Lụa	82	Tốt	
27	DTY1857206010030	Nguyễn Phương Nam	82	Tốt	
28	DTY1857206010031	Hà Văn Nam	84	Tốt	
29	DTY1857206010032	Đậu Văn Nam	84	Tốt	
30	DTY1857206010033	Hạp Thị Nga	81	Tốt	
31	DTY1857206010034	Nông Thị Kim Ngân	80	Tốt	
32	DTY1857206010035	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	80	Tốt	
33	DTY1857206010036	Kim Lan Phương	81	Tốt	
34	DTY1857206010037	Trịnh Diễm Quỳnh	81	Tốt	
35	DTY1857206010038	Nguyễn Thế Sơn	91	Xuất sắc	
36	DTY1857206010039	Lưu Tiến Tân	82	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
37	DTY1857206010040	Lưu Thị Thá	82	Tốt	
38	DTY1857206010041	Phạm Thị Phương Thảo	82	Tốt	
39	DTY1857206010042	Nguyễn Phương Thảo	82	Tốt	
40	DTY1857206010043	Lê Thị Thu	82	Tốt	
41	DTY1857206010044	Nguyễn Minh Thư	82	Tốt	
42	DTY1857206010046	Thân Thị Ngọc Trâm	91	Xuất sắc	
43	DTY1857206010048	Hoàng Thị Thu Trang	82	Tốt	
44	DTY1857206010049	Đinh Quốc Tuấn	84	Tốt	
45	DTY1857206010050	Lâm Văn Tùng	82	Tốt	
46	DTY1857206010052	Nguyễn Thị Uyên	82	Tốt	
47	DTY1857206010053	Dương Đức Việt	81	Tốt	
48	DTY1857206010054	Nguyễn Hà Vy	84	Tốt	

b